

TÀI LIỆU CỐT LÕI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

I- Chương trình hành động số 24-CTr/TU, ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới

1. Mục tiêu chung

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo động lực cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phấn đấu đến năm 2030, Lai Châu trở thành điểm đến hấp dẫn của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Nâng cao tỷ trọng đóng góp của ngành du lịch vào GRDP của tỉnh; phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong phát triển du lịch; tăng cường liên kết vùng, mở rộng thị trường và không gian phát triển, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng và du khách.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng lượt khách du lịch bình quân giai đoạn đạt 10%/năm; tổng lượt khách du lịch đến Lai Châu năm 2030 đạt 2,3 triệu lượt, trong đó khách nội địa đạt 2,24 triệu lượt, khách quốc tế đạt 0,06 triệu lượt. Tổng doanh thu từ du lịch năm 2030 đạt 2.700 tỷ đồng, đóng góp ngày càng lớn vào GRDP của tỉnh.

- Duy trì, nâng cao chất lượng 25 khu, điểm du lịch đã được công nhận; có 06 điểm bản du lịch cộng đồng trở lên; phấn đấu 02 điểm du lịch lòng hồ đạt các tiêu chí đăng ký giải thưởng của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, 02 điểm du lịch cộng đồng đạt tiêu chí đăng ký giải thưởng du lịch cộng đồng ASEAN; 01 điểm du lịch cộng đồng đạt tiêu chí đăng ký giải thưởng du lịch cộng đồng của Tổ chức Du lịch Liên Hợp Quốc.

- Phấn đấu thu hút đầu tư, xây dựng, công nhận ít nhất 01 khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cấp tỉnh; đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch theo quy hoạch tại 02 khu du lịch quốc gia Ô Quy Hồ và Cao nguyên Sìn Hồ; thu hút từ 01 - 02 nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, thể thao, sân golf và các sản phẩm, dịch vụ du

lịch phù hợp.

- Mở rộng quy mô hệ thống lưu trú trên 3.000 buồng, phòng, trong đó có trên 25% buồng, phòng đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên; thời gian lưu trú khách quốc tế bình quân 2,1 ngày, khách nội địa bình quân 1,85 ngày.

- Tạo việc làm cho 9.500 lao động (*trong đó lao động trực tiếp 2.800 người*).

- Phát triển các tour du lịch chinh phục, khám phá các đỉnh núi (*Pu Ta Leng, Pu Si Lung, Bạch Mộc Lương Tử, Tả Liên Sơn*) đạt chuẩn theo các điều kiện, quy định về du lịch mạo hiểm.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động du lịch; hình thành cơ sở dữ liệu du lịch của tỉnh, số hoá tài nguyên và điểm đến, bản đồ số du lịch, nền tảng số du lịch.

- Tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch có lợi thế của tỉnh, trong đó chú trọng du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, dược liệu, Sâm Lai Châu, chè, mắc ca, sản phẩm OCOP, du lịch văn hóa, lễ hội, lịch sử, tâm linh; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, du lịch thể thao mạo hiểm, trekking, hiking, leo núi, khám phá hang động, thác nước, rừng nguyên sinh, du lịch gắn với sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch biên giới, chợ phiên, kinh tế đêm, phố đi bộ, chợ đêm, không gian ẩm thực và vui chơi giải trí phù hợp với điều kiện thực tế.

- Phân đầu mỗi xã, phường lựa chọn, xây dựng và phát triển sản phẩm hoặc điểm đến đặc trưng có khả năng nhận diện thương hiệu; hình thành các tuyến, điểm du lịch liên kết giữa khu vực đô thị, nông thôn, vùng dược liệu, vùng chè, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa và các điểm du lịch cộng đồng; tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng để hình thành hành trình du lịch đa dạng, hấp dẫn.

3. Định hướng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045

3.1. Đến năm 2035

- Phân đầu hoàn thiện việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (*đường, điện, nước sạch, viễn thông...*) và đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch theo quy hoạch tại 02 địa điểm quy hoạch khu du lịch quốc gia để đảm bảo các tiêu chí trình cấp có thẩm quyền công nhận khi đủ điều kiện.

- Duy trì, nâng cao chất lượng các khu, điểm du lịch đã được công nhận để phân đầu tiếp tục đạt các giải thưởng trong nước và quốc tế; đầu tư, hỗ trợ công nhận mới các khu, điểm du lịch đảm bảo điều kiện theo quy định; tiếp tục phát

triển thêm các tour du lịch chinh phục, khám phá các đỉnh núi của Lai Châu đạt chuẩn theo các điều kiện, quy định về du lịch mạo hiểm; nghiên cứu, phát triển thêm các sản phẩm du lịch gắn với các dự án điện năng lượng gió, năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh.

- Phân đầu tăng trưởng lượt khách du lịch đến với Lai Châu trung bình từ 10 - 12%/năm, tổng lượt khách đến Lai Châu vào năm 2035 đạt trên 3 triệu lượt.

3.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Tiếp tục phát triển du lịch theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, bền vững, có sức cạnh tranh; hình thành các sản phẩm, điểm đến đặc trưng, có thương hiệu; nâng cao đóng góp của du lịch trong cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng của tỉnh, phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 26-NQ/TW, quy hoạch và điều kiện phát triển của tỉnh trong từng thời kỳ.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

4.1. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong phát triển du lịch

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền với hình thức phù hợp, tạo sự thống nhất và nâng cao nhận thức và hành động trong cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò của du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, là động lực quan trọng trong chuyển đổi, xây dựng mô hình tăng trưởng của đất nước, của tỉnh dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm.

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển du lịch từ khai thác tài nguyên đơn thuần sang tạo giá trị; từ chú trọng tăng trưởng chủ yếu dựa vào số lượng khách sang nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế, thời gian lưu trú, mức chi tiêu, trải nghiệm và giá trị gia tăng; lấy sự hài lòng của du khách, hiệu quả kinh tế, xã hội, sự bền vững của tài nguyên, môi trường và lợi ích của cộng đồng làm thước đo quan trọng trong tổ chức phát triển du lịch.

- Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển du lịch; lồng ghép mục tiêu phát triển du lịch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương; gắn phát triển du lịch với phát triển văn hóa, bảo đảm môi trường, quốc phòng, an ninh, trật tự, an

toàn xã hội, đối ngoại và hội nhập quốc tế; tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực tạo tiền đề cho du lịch phát triển, đồng thời du lịch là động lực lan toả phát triển ngành, lĩnh vực liên quan. Tăng cường kết nối vùng, liên vùng, phát huy các thiết chế văn hóa, thể thao, các lợi thế cảnh quan, thiên nhiên thành nguồn lực cho phát triển du lịch.

- Phát động phong trào toàn dân tham gia xây dựng môi trường du lịch văn minh, an toàn, thân thiện, chuyên nghiệp; nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trong bảo vệ tài nguyên, môi trường, giữ gìn bản sắc văn hoá, ứng xử văn minh với khách du lịch; phát huy tinh thần “mỗi người dân là một đại sứ du lịch”.

- Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông trong công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng nhận thức về phát triển du lịch; cung cấp thông tin chính thống, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và Nhân dân trong xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện và hình ảnh điểm đến Lai Châu; đồng thời giới thiệu, quảng bá tiềm năng thế mạnh, vẻ đẹp thiên nhiên, văn hoá, con người đến bạn bè trong nước và quốc tế.

4.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, tạo đột phá chiến lược, phát huy và khơi thông nguồn lực phát triển du lịch

- Rà soát các chính sách liên quan đến phát triển du lịch, đối chiếu với yêu cầu của Nghị quyết số 26-NQ/TW và định hướng phát triển của tỉnh; các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng dân cư tham gia phát triển du lịch; ưu tiên các sản phẩm đặc thù, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch cộng đồng và chuyển đổi số nhằm tạo môi trường thuận lợi, khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống và phát triển bền vững.

- Ưu tiên nguồn lực thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 và các dự án, công trình hạ tầng du lịch có tính động lực, tạo sức lan toả cao.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nghiên cứu, ban hành hoặc đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư về đầu tư, đất đai, tín dụng... thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp có năng lực về tài chính, công nghệ, quản trị thực hiện đầu tư hạ tầng thiết yếu, các khu, điểm du lịch trọng điểm, sản phẩm du lịch có khả năng tạo giá trị tăng cao, tổ

hợp văn hoá - thể thao - du lịch - giải trí - mua sắm, chuyển đổi xanh, kinh tế đêm, du lịch mạo hiểm, chăm sóc sức khoẻ, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá.

- Chủ động phối hợp, kiến nghị các bộ, ngành Trung ương tháo gỡ khó khăn về thủ tục xuất nhập cảnh, lưu trú, tham quan khu vực biên giới để thuận lợi cho khách du lịch quốc tế và bảo đảm yêu cầu quản lý biên giới, an ninh quốc gia.

- Tăng cường quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch; bảo đảm sự đồng bộ giữa phát triển du lịch với đô thị, nông thôn, giao thông, đất đai, lâm nghiệp, nông nghiệp, môi trường, văn hóa và quốc phòng, an ninh; khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, phân tán, phá vỡ cảnh quan và không gian văn hóa truyền thống. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch theo quy hoạch tại 02 khu du lịch quốc gia Ô Quy Hồ và Cao nguyên Sìn Hồ; quy hoạch chi tiết các bản du lịch cộng đồng có lợi thế tiêu biểu; lồng ghép, xác định đầy đủ không gian, quỹ đất, hạ tầng và yêu cầu bảo vệ cảnh quan, môi trường phục vụ phát triển du lịch trong các quy hoạch có liên quan.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đã ban hành; thường xuyên rà soát, đánh giá khả năng tiếp cận, mức độ phát huy hiệu quả của chính sách, kịp thời sửa đổi, bổ sung cập nhật các đề án phát triển du lịch, du lịch thông minh, kinh tế ban đêm và các chương trình hỗ trợ phát triển sản phẩm theo hướng tránh trùng lặp, bảo đảm nguồn lực thực hiện; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn, bất cập về đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng và các lĩnh vực có liên quan.

4.3. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, tăng cường kết nối, tạo động lực phát triển du lịch

- Ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, tăng cường kết nối Lai Châu với các trung tâm du lịch, thị trường khách lớn, các tỉnh trong vùng và kết nối nội tỉnh; phối hợp đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án quan trọng như hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên, cao tốc Bảo Hà - Lai Châu (CT.13) và các tuyến giao thông đến các khu, điểm du lịch trọng điểm; bến thủy nội địa, các thiết chế văn hoá; hỗ trợ phát triển các tuyến xe kết nối Sa Pa với các điểm du lịch của tỉnh để thu hút khách kéo dài tour từ Sa Pa đến Lai Châu; tuyến xe khách quốc tế Kim Bình - Lai Châu.

- Nâng cấp, hoàn thiện, đồng bộ, hiện đại hoá cơ sở vật chất và hệ thống dịch vụ tại các khu, điểm du lịch trọng điểm phục vụ trực tiếp trải nghiệm của du khách tại điểm đến, hạ tầng phục vụ lễ hội, sự kiện, hạ tầng vệ sinh môi trường, bãi đỗ xe, biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh, trạm dừng nghỉ, nhà chờ, hạ tầng số, văn

hoá, môi trường và các công trình dịch vụ hỗ trợ khách du lịch theo hướng đồng bộ, văn minh, an toàn, thân thiện; ưu tiên 02 khu vực có tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia, các điểm du lịch cộng đồng tiêu biểu, khu vực lòng hồ, khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và các tuyến du lịch chinh phục đỉnh núi; bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp khả năng cân đối nguồn lực.

- Bố trí quỹ đất để thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển các dự án động lực, khu phức hợp du lịch - văn hoá - thể thao - giải trí - mua sắm, trung tâm thương mại, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thể thao, bến thủy nội địa phục vụ dân sinh kết hợp du lịch, điểm dừng chân, ngắm cảnh và các công trình, dịch vụ hỗ trợ khác phù hợp quy hoạch, quy định pháp luật; chú trọng khả năng tiếp cận thuận tiện, an toàn của du khách.

- Phát triển hệ thống cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch theo nhu cầu thị trường và từng phân khúc khách; ưu tiên thu hút đầu tư các cơ sở lưu trú, nghỉ dưỡng và dịch vụ chất lượng cao, có thương hiệu, quản trị chuyên nghiệp; đồng thời nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở lưu trú hiện có, bảo đảm hài hòa với cảnh quan, môi trường và bản sắc địa phương.

4.4. Phát triển thị trường và sản phẩm du lịch chất lượng cao, đặc sắc, khác biệt; nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế du lịch

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường; xác định thị trường trọng điểm, thị trường tiềm năng và các phân khúc khách phù hợp với lợi thế, năng lực cạnh tranh và khả năng cung ứng dịch vụ của tỉnh; ưu tiên thu hút các phân khúc khách có khả năng lưu trú dài ngày, mức chi tiêu cao, khách quốc tế, khách gia đình, khách trẻ, khách du lịch trải nghiệm, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và thể thao mạo hiểm; tăng cường liên kết sản phẩm du lịch với nông nghiệp, thương mại, công nghiệp văn hóa, y tế, thể thao, vận tải và kinh tế cửa khẩu.

- Phát triển, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch theo lợi thế của tỉnh; xác định rõ lợi thế khác biệt của du lịch Lai Châu, tập trung vào các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh; lấy trải nghiệm thiên nhiên, văn hóa bản địa, sinh thái núi cao và cộng đồng làm nền tảng; tăng cường liên kết chuỗi dịch vụ, kéo dài thời gian lưu trú, nâng mức chi tiêu, tỷ lệ khách quay trở lại và hiệu quả kinh tế từ hoạt động du lịch.

- Phát triển sản phẩm du lịch văn hoá gắn với các lĩnh vực công nghiệp văn hoá như điện ảnh, âm nhạc, giải trí, thời trang, công nghệ số, sáng tạo, kinh tế đêm gắn với triển khai Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam.

- Tăng cường, liên kết chuỗi giá trị giữa lũy hành, vận chuyên, lưu trú, dịch vụ và sản phẩm địa phương, nâng cao hiệu quả kinh tế và giúp các doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, kênh phân phối.

- Tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng 03 nhóm sản phẩm: nhóm sản phẩm chính gồm du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, dược liệu, Sâm Lai Châu, chè, mắc ca, sản phẩm OCOP, du lịch văn hóa, lễ hội, lịch sử, tâm linh; nhóm sản phẩm độc đáo, đặc sắc gồm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, du lịch thể thao mạo hiểm, trekking, hiking, leo núi, khám phá hang động, thác nước, rừng nguyên sinh; nhóm sản phẩm bổ trợ gồm du lịch gắn với sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch biên giới, chợ phiên, chợ đêm, phố đi bộ, điểm dừng chân, ngắm cảnh và dịch vụ vận tải kết nối điểm đến.

- Tập trung xây dựng một số sản phẩm có khả năng trở thành hình ảnh nhận diện du lịch Lai Châu gắn với các đỉnh núi như Pu Ta Leng, Pu Si Lung, Bạch Mộc Lương Tử, Tả Liên Sơn; du lịch cộng đồng Sin Suối Hồ, Sì Thâu Chải, Lao Chải và các bản du lịch đặc sắc; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Cao nguyên Sìn Hồ, Đèo Ô Quy Hồ; du lịch lòng hồ; du lịch gắn với Sâm Lai Châu, chè cổ thụ, suối khoáng nóng và văn hóa các dân tộc.

- Phát huy giá trị văn hóa ẩm thực, từng bước xây dựng ẩm thực Lai Châu trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng; phát triển các không gian, tuyến phố, chợ và điểm trải nghiệm ẩm thực, gắn với nhà hàng, khách sạn, khu, điểm du lịch và dịch vụ về đêm, góp phần nâng cao trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu.

- Chú trọng hình thành hệ thống tour, tuyến nội tỉnh, liên tỉnh và xuyên biên giới; tăng cường kết nối với các tỉnh Tây Bắc mở rộng, các trung tâm du lịch lớn trong nước và thị trường Trung Quốc. Phát triển các tuyến có khả năng kết nối nhiều loại hình trải nghiệm, phân bổ dòng khách hợp lý, kéo dài hành trình và thời gian lưu trú tại tỉnh.

- Phát triển du lịch cộng đồng gắn với sinh thái nông nghiệp, nông thôn, làng nghề, chợ phiên vùng cao, trải nghiệm văn hoá bản địa; Đẩy mạnh liên kết du lịch với nông nghiệp, lâm nghiệp, OCOP, ẩm thực, dược liệu, nghề thủ công truyền thống, công nghiệp văn hóa, thương mại và dịch vụ; hình thành chuỗi sản xuất - cung ứng - tiêu dùng sản phẩm địa phương trong hoạt động du lịch, nâng tỷ lệ chi tiêu của khách và giá trị được giữ lại tại địa phương.

- Phát triển các mô hình kinh tế đêm, không gian lễ hội, tổ hợp du lịch - văn hóa - giải trí - thể thao, các chương trình biểu diễn, mua sắm và vui chơi giải trí chất lượng cao, phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu vực.

4.5. Đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến, quảng bá; xây dựng, nâng tầm thương hiệu và tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch

- Thực hiện thống nhất định vị thương hiệu “Lai Châu - Kỳ vĩ và bản sắc”; xây dựng hệ thống nhận diện, nội dung truyền thông chuyên nghiệp, nhất quán, làm nổi bật giá trị khác biệt về thiên nhiên, văn hóa, con người và sản phẩm đặc hữu của tỉnh.

- Thực hiện chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch Lai Châu theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, gắn với từng thị trường, phân khúc khách và sản phẩm cụ thể; chuyển từ quảng bá những gì tỉnh có sang xúc tiến theo nhu cầu thị trường, tăng liên kết giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở dịch vụ và điểm đến; tận dụng các chương trình, sự kiện đối ngoại ở nước ngoài để quảng bá xúc tiến; từng bước đánh giá hiệu quả xúc tiến thông qua khả năng hình thành tour, tuyến, lượng khách, cơ cấu khách, thời gian lưu trú và mức chi tiêu; gắn xúc tiến, quảng bá du lịch với ngoại giao văn hoá, quảng bá ẩm thực, nghệ thuật biểu diễn, thể thao, lễ hội và các sự kiện có quy mô lớn.

- Xây dựng, chuẩn hóa kho dữ liệu, nội dung truyền thông du lịch của tỉnh theo hướng chính thống, đồng bộ, có khả năng chia sẻ cho các cơ quan báo chí, truyền thông và các chủ thể quảng bá trong nước và quốc tế; đồng thời theo dõi, nắm bắt và kịp thời xử lý thông tin trên môi trường mạng để bảo vệ hình ảnh, uy tín điểm đến Lai Châu.

- Đẩy mạnh quảng bá trên các nền tảng số, mạng xã hội, báo chí trung ương, các kênh truyền thông có sức lan tỏa; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp vận tải, cơ quan truyền thông, nhà sáng tạo nội dung, KOL, KOC có tầm ảnh hưởng lớn đến Lai Châu trải nghiệm và sản xuất nội dung quảng bá.

- Nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác với các tỉnh Tây Bắc mở rộng, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các trung tâm du lịch lớn; phát triển các tuyến, chuỗi sản phẩm liên tỉnh, liên vùng, nhất là trục Sa Pa - Lai Châu - Điện Biên. Phát huy lợi thế Cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng, cụ thể hóa hợp tác với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, từng bước mở rộng thị trường khách quốc tế phù hợp điều kiện thực tế, yêu cầu quốc phòng, an ninh và quy định pháp luật.

- Tăng cường tổ chức, đăng cai các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch, hội nghị, hội thảo, triển lãm có khả năng thu hút khách; phát huy hiệu quả các lễ hội, Tuần Du lịch - Văn hoá và các sự kiện đặc trưng của tỉnh khuyến khích người dân tham gia; tăng cường hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp, cơ quan truyền

thông và đối tác trong nước, quốc tế; mở rộng liên kết xúc tiến du lịch theo vùng, liên vùng.

- Phát huy hiệu quả các danh hiệu, giải thưởng du lịch trong nước và quốc tế trong quảng bá, xúc tiến và phát triển sản phẩm; tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng các khu, điểm du lịch có tiềm năng tham gia các giải thưởng, danh hiệu uy tín, tạo sức lan tỏa và nâng tầm thương hiệu du lịch tỉnh.

4.6. Phát triển nguồn nhân lực, doanh nghiệp và cộng đồng du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển mới

- Phát triển các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch, nhất là doanh nghiệp lữ hành, lưu trú, dịch vụ; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng dân cư hoạt động kinh doanh du lịch hiệu quả; thu hút các doanh nghiệp lữ hành có thương hiệu mở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc mở rộng hoạt động tại tỉnh.

- Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp, hiệp hội du lịch và các địa phương để xây dựng sản phẩm, tuyến du lịch chất lượng cao, tổ chức các chương trình xúc tiến, liên kết và mở rộng thị trường; thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển sản phẩm, hạ tầng, xúc tiến, đào tạo và chia sẻ dữ liệu.

- Xây dựng đội ngũ nhân lực du lịch đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng; chú trọng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kỹ năng số, kỹ năng giao tiếp và khả năng thích ứng với yêu cầu mới. Tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và hiệp hội nghề nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng nhân lực theo nhu cầu thực tế của thị trường.

- Thu hút, sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, cán bộ quản lý và nhân lực chất lượng cao; đồng thời chú trọng đào tạo nhân lực tại chỗ ở các khu, điểm du lịch, vùng nông thôn, làng nghề, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân tại các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm người dân được hưởng lợi từ phát triển du lịch.

- Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong bảo tồn văn hóa, giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường và phát triển sản phẩm du lịch; nâng cao chất lượng các mô hình du lịch cộng đồng, gắn phát triển du lịch với sinh kế, sản phẩm địa phương và lợi ích thiết thực của người dân, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá một cách bền vững.

4.7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển du lịch thông minh

- Phát triển du lịch thông minh theo hướng đồng bộ, thống nhất; xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu du lịch, kết nối với nền tảng, dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống liên quan, phục vụ quản trị dựa trên dữ liệu, quản lý điểm đến, nghiên cứu thị trường, xúc tiến và phát triển sản phẩm.

- Vận hành hiệu quả công du lịch thông minh; xây dựng ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Lai Châu; tích hợp bản đồ số, trợ lý du lịch ảo AI đa ngôn ngữ, hệ thống đặt phòng, đặt vé điện tử liên thông các điểm du lịch và tiện ích gợi ý lịch trình cá nhân hoá cho du lịch.

- Thực hiện số hoá 100% các khu, điểm du lịch được công nhận và phấn đấu công nhận; các di sản văn hoá đã được xếp hạng cấp quốc gia; phát triển bản đồ số, hệ thống thuyết minh đa phương tiện, vé điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích hỗ trợ du khách.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, bản đồ số và các công nghệ phù hợp quản lý điểm đến, dự báo nhu cầu, quảng bá sản phẩm và nâng cao trải nghiệm của khách du lịch. Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản trị, công khai, minh bạch thông tin và giá dịch vụ; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu và bảo vệ thông tin của khách du lịch theo quy định.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, internet tốc độ cao tại các khu, điểm du lịch; từng bước hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh, có khả năng cung cấp thông tin, cảnh báo an toàn, hỗ trợ du khách, quản lý sức chứa và chất lượng điểm đến; tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

4.8. Đổi mới phương thức quản trị du lịch; nâng cao chất lượng điểm đến xanh, thông minh, an toàn và bền vững

- Đổi mới phương thức quản lý và quản trị du lịch theo hướng hiện đại, đồng bộ, hiệu quả; phân định rõ trách nhiệm, tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp trong quản lý quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, giao thông, tài nguyên, môi trường, lâm nghiệp, văn hóa, an ninh trật tự và hoạt động kinh doanh du lịch; xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh tại điểm đến. Từng bước xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng điểm đến, mức độ hài lòng của du khách, chất lượng dịch vụ, môi trường, an toàn, chuyển đổi số và hiệu quả kinh tế. Thúc đẩy thương mại điện tử trong du lịch, mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số, công khai, minh bạch giá dịch vụ, sản phẩm du lịch.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, văn minh du lịch và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch; bảo đảm công khai, minh bạch về giá, chất lượng hàng hóa, dịch vụ, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và quyền lợi của khách du lịch; xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện, chuyên nghiệp.

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, sức chứa và môi trường tại các khu, điểm du lịch; gắn phát triển du lịch với bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên, nguồn nước và không gian văn hóa truyền thống; khuyến khích phát triển mô hình điểm đến xanh, sạch, văn minh, thân thiện, sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm chất thải nhựa, tăng cường thu gom, xử lý chất thải, nước thải và các giải pháp phát thải thấp.

- Tăng cường quản lý các hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khách du lịch; hoàn thiện quy định, quy trình, điều kiện tổ chức đối với trekking, hiking, leo núi, khám phá hang động, thác nước, hoạt động trên lòng hồ và các sản phẩm du lịch mạo hiểm; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, cứu hộ, cứu nạn và xử lý tình huống tại điểm đến.

- Tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn, y tế, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý hoạt động tại biên giới và chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các tình huống phát sinh tại khu, điểm du lịch và các sự kiện đông người và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách du lịch; xây dựng hình ảnh Lai Châu là điểm đến an toàn, thân thiện, văn minh, có trách nhiệm với cộng đồng và môi trường.

4.9. Gắn phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, bảo vệ tài nguyên và phát triển bền vững

- Rà soát, đánh giá hệ thống di tích, di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh và các giá trị văn hóa truyền thống có khả năng khai thác phục vụ du lịch; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển sản phẩm du lịch.

- Phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, văn hóa cộng đồng, lễ hội, làng nghề, ẩm thực và các giá trị văn hóa đặc trưng trong phát triển sản phẩm du lịch; bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và khai thác, giữa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân. Đẩy mạnh số hóa di sản, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, quảng bá và phát triển du lịch.

- Kiểm soát sức tải tại các điểm đến, không đánh đổi môi trường, cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên và giá trị văn hóa lấy tăng trưởng du lịch trước mắt; bảo đảm

phát triển du lịch thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và bảo tồn các giá trị cho thế hệ mai sau.

II- Chương trình hành động số 25-CTr/TU, ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 02/8/2026 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài

1. Mục tiêu

Xây dựng cộng đồng người Lai Châu nói riêng và người Việt Nam nói chung ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, hòa nhập sâu rộng và phát triển ổn định. Duy trì, giữ vững các mối kết nối thông tin ổn định với con em quê hương Lai Châu đang học tập, lao động tại nước ngoài; tăng cường bảo tồn, lan tỏa, quảng bá các giá trị truyền thống nhân văn tốt đẹp và bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc tỉnh Lai Châu thông qua không gian số. Khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc để kiều bào và thân nhân an tâm, tin tưởng, đóng góp nguồn lực tinh thần, tri thức và kiều hối phát triển kinh tế hộ gia đình, thúc đẩy an sinh xã hội. Xây dựng khối đại đoàn kết bền chặt từ cơ sở, chung sức xây dựng tỉnh biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người Việt Nam ở nước ngoài

Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác người Việt Nam ở nước ngoài; đổi mới căn bản tư duy từ “vận động, tập hợp” sang “đồng hành, kiến tạo cơ chế” phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

Tăng cường nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời ghi nhận, giải quyết ý kiến đóng góp chính đáng của thân nhân người Việt Nam ở nước ngoài tại cơ sở; sẵn sàng tiếp nhận đóng góp trí tuệ xây dựng quê hương qua môi trường số trực tuyến công khai.

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp; chủ động lồng ghép nội dung quản lý lao động, công dân ra nước ngoài vào quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh; tăng cường theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện.

2.2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để đồng bào Việt Nam ở nước ngoài nâng cao vị thế, uy tín, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tích cực đóng góp cho quê hương, đất nước

Rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính trực tuyến mức độ toàn trình liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân (về đất đai, nhà ở, quốc tịch,...) đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch, tích hợp hiệu quả vào dịch vụ công trực tuyến.

Tạo hành lang thông thoáng để người Lai Châu ở nước ngoài tham gia đóng góp ý kiến từ xa vào các quy hoạch, đề án trọng điểm của địa phương; nâng cao chất lượng thống nhất quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, quản lý chặt chẽ lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng.

Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi lợi dụng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác người Việt Nam ở nước ngoài để trục lợi, gây chia rẽ trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hoặc di cư trái phép qua biên giới.

2.3. Xây dựng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, phát triển và tích cực hướng về quê hương, đất nước

Chủ động phối hợp với các cơ quan Trung ương và cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài thực hiện tốt các biện pháp bảo hộ công dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân Lai Châu ở nước ngoài trong các tình huống cần thiết. Quan tâm hỗ trợ kinh phí cho các trường hợp người Lai Châu ở nước ngoài có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Khuyến khích phát triển mạng lưới liên lạc trực tuyến, tăng cường chia sẻ thông tin giữa các hộ gia đình; đẩy mạnh công tác đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc; khơi dậy lòng yêu nước thông qua tiếng nói của người có uy tín, dòng họ tại cơ sở; tuyên truyền, xóa bỏ định kiến; thực hiện tốt công tác khen thưởng, kịp thời động viên thân nhân người Việt Nam ở nước ngoài tiêu biểu.

Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật Việt Nam và nước sở tại cho công dân trước khi xuất cảnh; kiểm soát nghiêm túc kỷ luật lao động ngoài nước; chủ động phối hợp thực hiện tốt các thỏa thuận quốc tế về tương trợ tư pháp, phòng, chống di cư trái phép, tội phạm mua bán người qua biên giới; giảm thiểu tình trạng công dân vi phạm pháp luật nước ngoài.

2.4. Phát huy hiệu quả nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển nhanh, bền vững và bảo vệ Tổ quốc

Đẩy mạnh thu hút và phát huy trí tuệ, sáng kiến đóng góp từ xa của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt người Việt Nam ở nước ngoài trong các lĩnh vực. Có chính sách đãi ngộ, tạo môi trường làm việc minh bạch, tôn vinh và sử

dụng hiệu quả các công trình, sáng kiến, sản phẩm có giá trị phục vụ phát triển địa phương.

Tạo điều kiện thuận lợi, kết nối thông tin để doanh nhân kiều bào hỗ trợ giới thiệu, quảng bá nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP của địa phương ra thị trường quốc tế.

Phát huy vai trò của cộng đồng và thân nhân trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, biên giới để chống phá đất nước và địa phương.

Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan Trung ương xây dựng cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài; cập nhật thông tin, tiếp nhận, phản hồi các đề xuất của công dân Lai Châu ở nước ngoài đóng góp cho quê hương (nếu có).

2.5. Phát huy vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài trong gìn giữ ngôn ngữ tiếng Việt, bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường gắn kết với quê hương, đất nước

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền giáo dục truyền thống, gìn giữ tiếng Việt thông qua các tài liệu, học liệu số hóa để thân nhân người Việt Nam ở nước ngoài kết nối, chia sẻ nhằm gìn giữ ngôn ngữ dân tộc đối với thế hệ trẻ người Việt Nam ở nước ngoài.

Khơi dậy tinh thần tự hào, vai trò đại sứ văn hóa của mỗi cá nhân trong giới thiệu, quảng bá hình ảnh thiên nhiên, con người và bản sắc văn hóa độc đáo của các dân tộc tỉnh Lai Châu ra thế giới thông qua các nền tảng mạng xã hội cá nhân.

Hỗ trợ, giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài khi về thăm thân tại địa phương.

Khuyến khích thanh thiếu niên ở nước ngoài hướng về quê hương thông qua ứng dụng công nghệ số, giúp cộng đồng dễ dàng tiếp cận, khai thác kho tàng tài nguyên tri thức, lịch sử, văn hóa truyền thống của tỉnh Lai Châu từ xa.

2.6. Phát huy vai trò chủ thể của người Việt Nam ở nước ngoài trong công tác thông tin, tuyên truyền

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thân nhân người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương chủ động thông tin, giới thiệu đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và các thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu đến công dân Lai Châu ở nước ngoài.

Tăng cường chia sẻ thông tin chính thống, khách quan, chính xác, đa dạng hóa phương thức truyền tải thông tin về tình hình phát triển vùng biên giới trên nền tảng số công khai trên mạng internet để kiều bào tiếp cận nhằm định hướng dư luận tốt.

2.7. Kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường cơ chế phối hợp và nguồn lực cho công tác người Việt Nam ở nước ngoài

Tăng cường phối hợp liên ngành từ cấp tỉnh xuống cấp xã về công tác người Việt Nam ở nước ngoài; kịp thời xử lý các công việc liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

Giao Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối chủ trì tham mưu phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ liên quan về người Việt Nam ở nước ngoài.

Bảo đảm nguồn lực cho công tác, bố trí cán bộ kiêm nhiệm có năng lực; ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách kết hợp huy động các nguồn lực xã hội hóa hợp pháp để duy trì vận hành tốt các kênh truyền thông số đối ngoại.

III- Kế hoạch số 128-KH/TU, ngày 14/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 20/7/2026 của Ban Bí thư về tăng cường giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới

1. Mục tiêu chung

Tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và ý thức công dân; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, nhân văn, kỷ cương, dân chủ; phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn; hình thành thế hệ học sinh, sinh viên Lai Châu phát triển toàn diện, có lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng, bản lĩnh, đạo đức, lối sống văn hóa, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm với cộng đồng, ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia và khát vọng vươn lên xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% cơ sở giáo dục triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả nội dung công tác giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và ý thức công dân theo quy định; ưu tiên giáo dục lịch sử, truyền thống, văn hóa, chủ

quyền quốc gia, pháp luật và trách nhiệm xã hội cho người học.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, cập nhật kiến thức, phương pháp và kỹ năng giáo dục lý luận chính trị, đạo đức, lối sống, giáo dục công dân; chú trọng nâng cao năng lực nêu gương và ứng xử sự phạm.

- 100% cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và những tác động tiêu cực trên môi trường mạng.

- Hằng năm, 100% các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục đưa kết quả thực hiện giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và ý thức công dân vào nội dung kiểm tra, đánh giá; kịp thời biểu dương mô hình, cách làm hiệu quả và chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém.

- 100% học sinh, sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân, năng lực số và năng lực hội nhập quốc tế; kỹ năng nhận diện và phòng ngừa thông tin xấu, độc, quan điểm sai trái, lối sống lệch chuẩn; có ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của giáo dục lý luận chính trị

Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 10-CT/TW và các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác chính trị, tư tưởng¹, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên; gắn với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; cụ thể hóa phù hợp với từng cấp học, bậc học, loại hình giáo dục, địa

¹ Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng; Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới”; Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới; các kế hoạch triển khai của tỉnh.

bàn và đối tượng đào tạo, bảo đảm rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả thực hiện.

3.2. Nâng cao chất lượng nội dung giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nội dung, chương trình, giáo trình giáo dục lý luận chính trị. Cập nhật nội dung Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận mới của Trung ương, của tỉnh bảo đảm khoa học, hấp dẫn, thiết thực, phù hợp với từng cấp học, bậc học và đối tượng đào tạo.

Gắn việc học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh với giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống ý thức công dân trong các nhà trường. Chú trọng giáo dục bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, khát vọng cống hiến, trách nhiệm xã hội, tinh thần thượng tôn pháp luật và ý thức công dân; năng lực số và năng lực hội nhập quốc tế; gắn giáo dục lý luận chính trị với giáo dục lịch sử, truyền thống cách mạng, văn hóa, pháp luật và đạo đức; tăng cường tính thực hành, trải nghiệm, đối thoại, thảo luận, xử lý tình huống, gắn giáo dục với thực tiễn địa phương.

Quan tâm giáo dục truyền thống lịch sử của Đảng bộ tỉnh và các địa phương, truyền thống cách mạng, văn hóa các dân tộc, tinh thần đoàn kết, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp, ý thức trách nhiệm xây dựng quê hương, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo, học liệu số và các nội dung giáo dục trong các chương trình liên kết, hợp tác quốc tế theo quy định.

3.3. Đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, kỷ cương

Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực của người học; kết hợp phù hợp giữa giáo dục chính khóa với hoạt động ngoại khóa, giữa học tập trực tiếp với trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ số, học liệu số, hoạt động trải nghiệm, đối thoại, thảo luận và xử lý tình huống; gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành. Phát huy tối đa hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của các nhà trường, nhất là các trường phổ thông nội trú liên cấp ở các xã biên giới trong giáo dục đạo đức, kỹ năng cho học sinh.

Chú trọng trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng số, tư duy phản biện,

kỹ năng ứng xử có văn hóa trên môi trường số; nâng cao khả năng nhận diện, sàng lọc thông tin, khả năng tự bảo vệ, phòng ngừa tác động của các quan điểm sai trái, thù địch và thông tin xuyên tạc, xấu độc, sai sự thật; đấu tranh, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, văn minh, kỷ cương, nhân văn; thực hiện nghiêm các quy tắc ứng xử trong nhà trường và trên không gian mạng. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng thực chất, chú trọng sự chuyển biến về nhận thức, thái độ, hành vi, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân của người học.

3.4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên giảng dạy lý luận chính trị có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, phương pháp, kỹ năng giảng dạy; chú trọng nâng cao năng lực số, kỹ năng định hướng tư tưởng, trao đổi, đối thoại và xử lý các vấn đề phát sinh trong người học. Tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, gắn nội dung giảng dạy với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị của tỉnh trong sạch, vững mạnh.

Phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ theo quy định.

3.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; tăng cường kiểm tra, giám sát và phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong tổ chức thực hiện công tác giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân; rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng theo hướng thống nhất, công khai, minh bạch, thực chất. Tích cực phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục, rèn luyện người học; xác định rõ trách nhiệm và phương thức phối hợp. Gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, nề nếp trong các cơ sở giáo dục. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các biểu hiện lệch chuẩn về tư tưởng, đạo đức, lối sống và hành vi; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

3.6. Phát huy vai trò của các cơ quan, tổ chức; tăng cường các hoạt động giáo dục, trải nghiệm thực tiễn

Tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; cơ quan văn hóa, báo chí, truyền thông và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục, tạo môi trường thuận lợi để người học tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện và phát triển toàn diện.

Đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tiễn, về nguồn, tình nguyện, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; tổ chức các hoạt động tìm hiểu lịch sử, truyền thống cách mạng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chú trọng giáo dục lịch sử, văn hóa, truyền thống của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu; khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa, di tích lịch sử, địa chỉ đỏ và cộng đồng trong giáo dục, trải nghiệm thực tiễn.

Phát huy vai trò của Đoàn, Hội, Đội trong tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, trách nhiệm xã hội và ý thức công dân cho học sinh, sinh viên; khuyến khích người học chủ động tham gia các hoạt động vì cộng đồng, hoạt động tình nguyện, phong trào thi đua và các hoạt động xã hội phù hợp.

3.7. Đẩy mạnh chuyển đổi số; tăng cường cơ sở vật chất, học liệu và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân; khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu và nguồn học liệu chính thống, phù hợp với từng nhóm người học.

Quan tâm bố trí, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; ưu tiên các cơ sở giáo dục ở địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới; từng bước thu hẹp khoảng cách về điều kiện tiếp cận giáo dục, tạo cơ hội học tập, rèn luyện và phát triển toàn diện cho người

học.

Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu; huy động các nguồn lực hợp pháp phục vụ phát triển giáo dục, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số theo quy định.

IV- Kế hoạch số 131-KH/TU, ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về “đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới”

1. Mục tiêu chung

Tạo chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, thực chất trong học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong pháp, phong cách Hồ Chí Minh, trở thành việc làm tự giác, thường xuyên, nền nếp, chuẩn mực trong tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, gắn với xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, hiện thực hóa mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 đưa Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình của vùng trung du và miền núi phía Bắc, đến năm 2045 trở thành tỉnh trung bình của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) 100% cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW; xác định rõ ít nhất 3 nội dung trọng tâm về học tập, thực hành theo Bác gắn với nhiệm vụ chính trị, các khâu đột phá, giải quyết các vấn đề bức xúc, điểm nghẽn, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm. Ưu tiên các vấn đề liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp.

(2) 100% cấp ủy, tổ chức đảng đưa nội dung học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong pháp, phong cách Hồ Chí Minh vào sinh hoạt chi bộ định kỳ.

(3) 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong pháp, phong cách Hồ Chí Minh; trong đó xác định ít nhất 1 việc học tập và 1 việc thực hành phù hợp với chức trách, nhiệm vụ; gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

(4) 100% cấp ủy, tổ chức đảng đưa nội dung thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW vào chương trình công tác, chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm.

(5) 100% hạn chế, khuyết điểm được phát hiện phải có biện pháp khắc phục và được theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

(6) Bí thư Tỉnh ủy và 100% bí thư đảng ủy các xã, phường thực hiện đối thoại công khai định kỳ 6 tháng/lần với Nhân dân về kết quả thực hiện cam kết nêu gương, trách nhiệm thực thi công vụ và tiến độ giải quyết những vấn đề bức xúc trên địa bàn.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh

Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 07-CT/TW và các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác chính trị, tư tưởng². Xác định đây là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và mỗi cán bộ, đảng viên góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng tổ chức đảng và đảng viên trong sạch, vững mạnh. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc học tập, thực hành theo Bác tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

Đổi mới nội dung, phương thức học tập, quán triệt theo hướng ngắn gọn, thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đánh giá; làm rõ yêu cầu chuyển mạnh từ “học tập” sang “thực hành”, từ “nhận thức” sang “hành động”. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong giữ gìn, phát huy giá trị di sản Hồ Chí Minh - tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta, được kết tinh từ cuộc đời, sự nghiệp cách mạng, tư tưởng, đạo đức, phương pháp và phong cách của Người; là nguồn sức mạnh, động lực to lớn để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn phát triển mới.

Xác định rõ những nội dung trọng tâm cần học tập, thực hành gắn với nhiệm vụ chính trị, các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm và việc tập trung giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc, điểm nghẽn kéo dài ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện đối thoại công khai, thông tin, báo cáo trước Nhân dân về kết quả thực hiện cam kết nêu gương, trách nhiệm thực thi công vụ và tiến độ giải quyết các vấn đề bức xúc; công khai những nội dung, kết quả xử lý để Nhân dân, doanh nghiệp giám sát. Đưa nội dung học tập, thực hành theo Bác vào chương trình

² Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng; Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới; Kế hoạch số 08-KH/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới; các kế hoạch triển khai của tỉnh.

công tác, sinh hoạt cấp ủy, chi bộ và sinh hoạt chuyên đề.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện, thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; lấy sản phẩm, chất lượng, hiệu quả công việc và sự hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp làm thước đo kết quả học tập, thực hành theo Bác.

3.2. Đẩy mạnh học tập, thực hành theo Bác gắn với xây dựng văn hoá lãnh đạo, văn hóa công vụ và trách nhiệm thực thi công vụ, văn hóa ứng xử của cán bộ, đảng viên

Đổi mới nội dung, phương thức học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng, từng lĩnh vực và điều kiện thực tiễn của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; chuyển mạnh từ học tập, quán triệt sang vận dụng, thực hành, nêu gương và tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn và tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân.

Gắn việc học tập, thực hành theo Bác với xây dựng văn hóa Đảng, văn hóa lãnh đạo, văn hóa công vụ, đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương và thượng tôn pháp luật; xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW³; tích cực đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đảng, Nhà nước và chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đưa việc học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành nếp sống văn hóa của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; thực hiện tốt quan điểm “dân là gốc”, tôn trọng, lắng nghe, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân và doanh nghiệp.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh, tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung; phong cách làm việc dân chủ, khoa học, hiệu quả, sâu sát thực tiễn, gần dân, sát dân, vì dân. Nâng cao chất lượng tham mưu, năng lực tổ chức thực hiện và trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, viên chức; kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ

³ Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển và Chương trình hành động số 32-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị; Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện.

trách nhiệm, gây phiền hà trong giải quyết công việc; thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Gắn việc học tập, thực hành theo Bác với thực hiện Phong trào thi đua “Lai Châu quyết tâm thi đua thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững “2 con số” giai đoạn 2026-2030”; các cuộc vận động, các nhiệm vụ chính trị trọng tâm; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình xử lý công việc không cần thiết; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần đổi mới sáng tạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, phát triển khoa học và công nghệ, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

3.3. Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu

Các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp⁴. Xác định nêu gương là phương thức lãnh đạo quan trọng, góp phần nâng cao uy tín của tổ chức đảng, lan tỏa trách nhiệm, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và hệ thống chính trị. Hằng năm, người đứng đầu xây dựng nội dung nêu gương gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao; lựa chọn ít nhất 1 nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá hoặc vấn đề nổi cộm, bức xúc thuộc lĩnh vực phụ trách để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết; lấy kết quả thực hiện làm căn cứ đánh giá, xếp loại theo quy định.

Xác định rõ những nội dung đột phá nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong trách nhiệm nêu gương phải được cụ thể hóa thành tiêu chí đánh giá trong công tác cán bộ, tập trung vào ba nhóm nội dung: (1) *Bản lĩnh chính trị, tư duy đổi mới và năng lực tổ chức thực hiện: Kiên định về chính trị, tư tưởng; chủ động nắm bắt tình hình, dự báo, kịp thời đưa ra quyết định; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.* (2) *Đạo đức công vụ và kỷ luật thực thi: Gương mẫu về phẩm chất đạo đức, lối sống; nói đi đôi với làm; làm việc khoa học, sâu sát thực*

⁴ Kế hoạch số 09-KH/TW, ngày 15/9/2026 của Ban Bí thư về thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW; Quy định số 207-QĐ/TW, ngày 26/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới và các văn bản triển khai của tỉnh.

tiền, có kết quả, sản phẩm cụ thể; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. (3) Tinh thần phục vụ Nhân dân: Gần dân, trọng dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, vì dân; thực hiện liêm chính, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch; kiên quyết chống quan liêu, cục bộ, bè phái, lợi ích nhóm.

Đưa nội dung thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW vào sinh hoạt định kỳ ở chi bộ; bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn về kết quả thực hiện vào khung đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hàng năm, coi đây là tiêu chí quan trọng trong quy hoạch, điều động, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ; đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

3.4. Đổi mới công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục về tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh

Nghiên cứu, biên soạn, tích hợp nội dung của Chỉ thị số 07-CT/TW vào trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Trường Chính trị tỉnh và trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong xây dựng hệ thống dữ liệu, học liệu số về học tập, thực hành theo Bác, bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, phù hợp cho việc kiểm tra, đánh giá; phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, nhất là đối với thanh niên, thiếu niên, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới. Tăng cường đối thoại, xử lý tình huống thực tiễn, gắn nội dung học tập với chức trách, nhiệm vụ được giao.

Tập trung nghiên cứu, làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn của Di sản Hồ Chí Minh trước yêu cầu mới gắn với triển khai nhiệm vụ chính trị của từng cấp, từng ngành, việc rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ, đảng viên. Tổ chức các hội thảo, các cuộc thi tìm hiểu giá trị của tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo, hiệu quả những giá trị đó trong xây dựng bản lĩnh chính trị, phương pháp, phong cách làm việc khoa học, sáng tạo, hiệu quả của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tăng cường theo dõi, giám sát việc chấp hành kỷ luật phát ngôn, văn hóa ứng xử của cán bộ, đảng viên trên không gian mạng; chủ động lan tỏa thông tin tích cực, chính thống; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác trực diện các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu độc.

Phát huy vai trò của cơ quan báo chí, truyền thông trong tuyên truyền, quảng bá các tác phẩm, mô hình, tư liệu, hình ảnh, gương điển hình tiên tiến trong học tập, thực hành theo Bác; phản ánh trung thực, giám sát việc thực thi kỷ luật công vụ và đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Chủ động định hướng dư luận

xã hội, lan tỏa thông tin tích cực, góp phần ngăn chặn thông tin xấu độc, đấu tranh với các quan điểm sai trái theo phương châm “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu”, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả; nhân rộng điển hình, khắc phục bệnh hình thức

Các cấp ủy, tổ chức đảng đưa việc thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW và Kế hoạch này vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm; chuyển mạnh trọng tâm từ kiểm tra việc xây dựng kế hoạch, đăng ký nội dung học tập, thực hành sang đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm, hiệu quả giải quyết vấn đề nổi cộm, bức xúc, chuyển biến trong đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm và mức độ hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra chuyên đề tại những địa bàn, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị có vấn đề nổi cộm hoặc có mô hình, cách làm mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và công khai kết quả.

Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí, truyền thông và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện, thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng, nuôi dưỡng, ghi danh, nhân rộng các mô hình, điển hình; đồng thời chấn chỉnh, xử lý theo quy định đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hình thức, thiếu trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy hoặc báo cáo không đúng thực chất trong học tập, thực hành theo Bác.

V- Kế hoạch số 132-KH/TU, ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới

1. Mục tiêu chung

Giữ vững vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng trong đời sống tinh thần xã hội; đưa tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh thấm sâu vào nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và đời sống xã hội. Công tác tư tưởng được vận hành thống nhất, thông suốt trong toàn Đảng bộ tỉnh, trên cả không gian thực và không gian số; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Bảo đảm an ninh tư tưởng; sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân và tăng cường đồng thuận xã hội. Phát huy lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, niềm tự hào dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc trở thành nguồn lực nội sinh để thực

hiện thành công mô hình phát triển mới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển xanh, nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) 100% cấp ủy, tổ chức đảng đưa công tác tư tưởng vào chương trình công tác và nội dung kiểm điểm hằng năm.

(2) 100% cán bộ, đảng viên được học tập, quán triệt đầy đủ nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

(3) 100% cấp ủy, tổ chức đảng duy trì sinh hoạt chuyên đề đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh, xác định rõ ít nhất 3 nội dung trọng tâm về học tập thực hành theo Bác gắn với nhiệm vụ chính trị, các khâu đột phá, giải quyết các vấn đề bức xúc, điểm nghẽn, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm. Ưu tiên các vấn đề liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; kết quả được kiểm chứng bằng sản phẩm, việc làm cụ thể.

(4) 100% các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có ít nhất 1 kênh truyền thông số chính thống tuyên truyền lan tỏa tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh và các gương điển hình tiên tiến.

(5) 100% chủ trương, nghị quyết, đề án khi triển khai xây dựng được định hướng nhận thức thống nhất, kịp thời trong toàn Đảng bộ tỉnh, có phương án tuyên truyền, giải thích, đối thoại ngay từ khi xây dựng chính sách.

(6) Hằng năm, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân; 100% ý kiến, kiến nghị chính đáng được tiếp nhận, xử lý theo quy định.

(7) 100% cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm chế độ nắm và báo cáo tình hình tư tưởng, dư luận xã hội định kỳ và đột xuất, các vấn đề phức tạp phát sinh được phát hiện, định hướng, xử lý kịp thời từ cơ sở, không để kéo dài, vượt cấp, tích tụ thành vấn đề phức tạp, điểm nóng.

(8) 100% các xã, phường có lực lượng làm công tác tư tưởng, hoạt động thường xuyên tại các thôn, bản, tổ dân phố; 100% các xã, phường kết nối hệ thống thông tin nguồn, người dân được tiếp cận thông tin chính thống hai chiều.

(9) 100% cán bộ làm công tác tư tưởng các cấp, thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Công tác 35, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, người làm nhiệm vụ thông tin ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng.

3. Tầm nhìn đến năm 2045 và xa hơn

Công tác tư tưởng trở thành năng lực nội sinh của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, chủ động định hình nhận thức xã hội, vững vàng trước mọi biến động của môi trường thông tin. Công tác lý luận đi trước, định hướng, dẫn dắt thực tiễn, chủ động nhận diện sớm các xu hướng phát triển, các vấn đề mới, phức tạp nảy sinh; cung cấp kịp thời luận cứ khoa học phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo và hoạch định chủ trương, chính sách. Hệ giá trị văn hóa, con người Lai Châu và bản sắc văn hóa các dân tộc trở thành sức mạnh mềm, tương xứng vị thế phát triển, đến năm 2045 đưa Lai Châu trở thành tỉnh có trình độ phát triển trung bình của cả nước; chủ quyền quốc gia trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa được giữ vững trong môi trường thông tin toàn cầu.

4. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo công tác tư tưởng, chuyển trọng tâm sang dẫn dắt nhận thức xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo đồng thuận xã hội (đột phá).

Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 25-NQ/TW, Kế hoạch số 08-KH/TW và các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác tư tưởng. Bí thư cấp ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác tư tưởng; đưa nội dung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng và trách nhiệm nêu gương vào kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ hằng năm. Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu về đạo đức, văn minh.

Các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt phương châm hành động đối với công tác tư tưởng “***Chủ động - Sắc bén - Thuyết phục - Hiệu quả***”. Đổi mới phương thức lãnh đạo công tác tư tưởng, chuyển trọng tâm từ quản lý thông tin sang chủ động định hướng, dẫn dắt nhận thức xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo đồng thuận xã hội; tăng cường quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ động cung cấp thông tin chính thống, công khai, minh bạch, đẩy mạnh việc đối thoại và tiếp thu ý kiến, phản biện xã hội. Gắn công tác tư tưởng với toàn bộ quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện chủ trương, chính sách; mỗi chủ trương, chính sách lớn cần đánh giá tác động về tư tưởng và có phương án tuyên truyền, giải thích.

Quan tâm chỉ đạo việc nắm tình hình tư tưởng và dư luận xã hội; thường xuyên tổng hợp, báo cáo cấp ủy tình hình tư tưởng, tâm trạng, dư luận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tổ chức điều tra, khảo sát, nắm bắt dư luận xã hội

trước khi ban hành và trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách lớn, các vấn đề nhạy cảm, phức tạp, có tác động rộng đến đời sống Nhân dân; sử dụng kết quả nắm bắt dư luận xã hội làm một trong những căn cứ để cấp ủy xem xét, điều chỉnh chủ trương, giải pháp và phương án thông tin, tuyên truyền phù hợp.

4.2. Chuyển trọng tâm công tác tư tưởng về cơ sở, về từng địa bàn dân cư; kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng trên không gian thực với không gian số (đột phá).

Mỗi xã, phường phân công một đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy trực tiếp phụ trách, chỉ đạo lực lượng làm công tác tư tưởng. Duy trì chế độ sinh hoạt tư tưởng tại thôn, bản, tổ dân phố, khu dân cư; đưa nội dung công tác tư tưởng vào sinh hoạt chi bộ và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

Duy trì nền nếp đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; công khai kết quả tiếp thu, xử lý các ý kiến, kiến nghị. Chủ động nắm, định hướng, xử lý kịp thời các vấn đề tư tưởng ngay tại nơi phát sinh theo quy trình: nắm tình hình, đối thoại, giải thích, xử lý theo thẩm quyền, thông báo kết quả. Gắn công tác tư tưởng với công tác dân vận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và chăm lo lợi ích thiết thực của Nhân dân, không để vụ việc kéo dài, phát sinh phức tạp, hình thành điểm nóng.

Triển khai hệ thống thông tin cơ sở, hệ thống thông tin nguồn liên thông⁵ tới 100% xã, phường; số hóa, hiện đại hóa truyền thanh cấp xã và các thiết chế văn hóa, thông tin cơ sở. Bảo đảm đưa thông tin đến với người dân kịp thời, đầy đủ, hai chiều, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, đối tượng, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm nguyên tắc thống nhất trong đầu mối cung cấp và nội dung thông tin⁶. Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội.

Đẩy mạnh Phong trào “Bình dân học vụ số” và mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”, trang bị kỹ năng nhận diện tin giả, sử dụng thông tin an toàn, nâng cao khả năng tiếp nhận, phân tích và kiểm chứng thông tin của người dân, góp phần tăng cường “sức đề kháng” trước thông tin xấu, độc.

4.3. Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong

⁵ Hệ thống thông tin nguồn liên thông là hệ thống dùng chung để thu thập, lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin nguồn trung ương và cấp tỉnh/địa phương phục vụ công tác thông tin cơ sở.

⁶ Một vụ việc - một đầu mối phát ngôn - một thông điệp thống nhất trên cả không gian thực và không gian số.

cách Hồ Chí Minh; đổi mới giáo dục lý luận chính trị; nâng cao chất lượng nghiên cứu, phát triển lý luận.

Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới” và kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị 07-CT/TW gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, trách nhiệm nêu gương, đạo đức công vụ và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ việc học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh theo hướng thường xuyên, tự giác, thiết thực; lấy kết quả thực hành làm thước đo chủ yếu trong đánh giá tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ hằng năm.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh và nội dung giáo dục phù hợp trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng thực chất, phù hợp với từng đối tượng, gắn lý luận với thực tiễn. Khắc phục bệnh hình thức “học cho xong” trong học tập lý luận chính trị; kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả. Xây dựng, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu luận cứ khoa học dùng chung phục vụ nghiên cứu, tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng, lý luận; từng bước hoàn thiện hệ thống học liệu số, số hóa dữ liệu và hình thành nền tảng dùng chung phục vụ nghiên cứu, phát triển lý luận.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, phát triển lý luận về công tác tư tưởng trong bối cảnh mới; chú trọng nghiên cứu, làm rõ nội dung, giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng các đề tài, hội thảo khoa học làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của những nội dung cốt lõi trong công tác tư tưởng phục vụ nghiên cứu, phát triển lý luận, bồi dưỡng cán bộ, tham mưu hoạch định các chủ trương, chính sách của tỉnh.

4.4. Đổi mới, nâng cao chất lượng tuyên truyền, quán triệt, triển khai nghị quyết và truyền thông chính sách; đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng.

Đổi mới phương pháp nghiên cứu, học tập, quán triệt nghị quyết theo hướng kịp thời, thực chất, hiệu quả; chuyển mạnh từ quán triệt một chiều sang trao đổi, thảo luận, đối thoại, giải thích gắn với tổ chức thực hiện, bảo đảm phương châm “hiểu sâu, hành động đúng, làm đến cùng”. Phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong trực tiếp quán triệt nghị quyết, khắc phục tình trạng quán triệt hình thức, đối phó.

Xây dựng tài liệu quán triệt, học tập nghị quyết theo hướng ngắn gọn, dễ

hiều, dễ nhớ, dễ thực hiện, xác định rõ những điểm mới, nhiệm vụ trung tâm và những việc cần triển khai ngay; việc quán triệt gắn với cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hành động, xác định rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền.

Các cấp ủy chỉ đạo xây dựng, ban hành kế hoạch truyền thông chính sách trọng điểm; xác định danh mục chủ trương, chính sách cần truyền thông, thông điệp chủ đạo, cơ quan chủ trì, nhóm đối tượng và chỉ số đánh giá kết quả. Truyền thông chính sách phải đi trước một bước, từ sớm, từ xa, xuyên suốt quá trình xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách; cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm chính về truyền thông chính sách do mình đề xuất, chủ động cung cấp thông tin chính thống, kịp thời, không để khoảng trống thông tin để các đối tượng thù địch lợi dụng chống phá.

Thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định. Thống nhất yêu cầu biên soạn tài liệu, sản phẩm tuyên truyền theo nhóm đối tượng; bảo đảm mỗi chủ trương, chính sách lớn có đồng thời bộ sản phẩm cho tuyên truyền trực tiếp tại địa bàn dân cư và trên không gian số, thống nhất một thông điệp chủ đạo, có sản phẩm chuyên biệt cho thế hệ trẻ.

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các lực lượng tham gia công tác tư tưởng; phát huy vai trò nòng cốt của các cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở trong sản xuất và lan tỏa thông tin chính thống. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở thông minh ứng dụng trên thiết bị di động phù hợp với điều kiện thực tiễn. Chuyển việc cung cấp thông tin, sản phẩm tuyên truyền cho cơ sở từ cấp phát dân trải sang đặt hàng theo nhu cầu; từng bước hoàn thiện cơ chế tài chính, cơ chế đặt hàng đối với các cơ quan báo chí, nghiệm thu theo mức độ tiếp cận và sử dụng thực tế của người dân.

Xây dựng, vận hành mô hình “Tòa soạn hội tụ” của Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ và xu hướng sản xuất báo chí số. Chú trọng xây dựng đội ngũ phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hoạt động báo chí, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

4.5. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; bảo đảm an ninh tư tưởng.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trọng

tâm là Nghị quyết số 35-NQ/TW⁷, Kết luận số 89-KL/TW⁸, Kế hoạch số 328-KH/TU⁹. Quan tâm củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò ban chỉ đạo 35, ban công tác 35 các cấp. Nâng cao năng lực phát hiện, nhận diện thông tin sai lệch, xấu độc, các hoạt động lừa đảo trên không gian thực và không gian số trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; khả năng đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ.

Chủ động nắm tình hình, xác minh, giải thích, xử lý dứt điểm tại địa bàn những bức xúc, vướng mắc ngay khi vụ việc mới phát sinh. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ngay từ cơ sở; thực hiện nghiêm quy định về kỷ luật phát ngôn và sử dụng mạng xã hội. Xử lý nghiêm các hành vi phát hành, lưu hành sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có nội dung trái với quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, xuyên tạc lịch sử, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bôi nhọ lãnh tụ, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, chống phá chế độ.

Xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh tư tưởng, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn hệ thống, kết nối; kiểm chứng, ngăn chặn thông tin, truy vết, truy nguồn tin giả, sai sự thật; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4.6. Xây dựng hệ sinh thái thông tin chính thống, tích cực, nhân văn; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân; chuẩn mực ứng xử trong xã hội và trên không gian số.

Xây dựng hệ sinh thái truyền thông đồng bộ, liên thông trên cả không gian thực và không gian số, lấy thông tin chính thống, tích cực, nhân văn làm trung tâm; kết hợp hài hòa giữa công nghệ, con người. Chủ động “phủ xanh” thông tin tích cực, bảo đảm cái đúng, cái tốt, cái đẹp được lan tỏa rộng rãi, trở thành dòng thông tin chủ lưu trong việc cung cấp thông tin, định hướng dư luận xã hội.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU¹⁰, động viên, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần bồi đắp đời sống tinh thần, định hướng thẩm mỹ và lan tỏa các giá trị tốt đẹp. Hỗ trợ sáng tác và quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm có giá trị cao về tư tưởng chính trị.

⁷Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”

⁸Kết luận số 89-KL/TW, ngày 25/7/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW.

⁹Kế hoạch số 328-KH/TU, ngày 03/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 89-KL/TW.

¹⁰ Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 23/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng hoạt động văn học, nghệ thuật giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trong tiếp nhận, chia sẻ, lan tỏa thông tin chính thống, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; củng cố vững chắc thể trận lòng dân, định kỳ khảo sát mức độ hài lòng, niềm tin của Nhân dân. Xây dựng, phát triển đội ngũ người có uy tín, người có ảnh hưởng tích cực trong xã hội, với tiêu chí lựa chọn, cơ chế kết nối, phát huy vai trò và trách nhiệm rõ ràng. Chú trọng xây dựng lực lượng nòng cốt tham gia công tác chính luận có bản lĩnh chính trị, uy tín, năng lực và sức lan tỏa.

Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, kỷ luật phát ngôn và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong cung cấp, chia sẻ, lan tỏa thông tin chính thống, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng, thực hành văn hóa ứng xử của cán bộ, đảng viên trong Đảng, ngoài xã hội, giữa không gian thực và không gian số.

Đưa văn hóa số, kỹ năng sử dụng, tiếp nhận và kiểm chứng thông tin số vào chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao khả năng nhận diện, xử lý thông tin và sức đề kháng của Nhân dân trước thông tin xấu, độc. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và Chương trình hành động số 19-CTr/TU, ngày 03/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lai Châu gắn với xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng; mang đặc trưng dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học, hiện đại. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ gia đình, nhà trường đến xã hội và không gian số. Chú trọng xây dựng văn hoá phát triển, văn hóa đổi mới sáng tạo, văn hóa cống hiến và tinh thần phụng sự Tổ quốc cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân nhất là thế hệ trẻ.

4.7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng đối ngoại và thông tin đối ngoại.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại tỉnh. Tăng cường tuyên truyền, thông tin đối ngoại về đường lối đổi mới, thành quả lý luận của Đảng, thành tựu đổi mới của đất nước, của tỉnh. Triển khai hệ sinh thái truyền thông đối ngoại đa nền tảng, đa ngôn ngữ tại các địa bàn trọng điểm.

Phát huy hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, nhất là với các tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; các tỉnh của Trung Quốc. Thực hiện tốt thỏa thuận giao lưu hợp tác giữa Trường Chính trị tỉnh và Học viện hành chính Châu Hồng Hà (Trung Quốc); chủ động nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh

nghiệm phục vụ phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới bảo đảm đúng chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định về quản lý hoạt động đối ngoại.

Tăng cường theo dõi, nắm bắt các thông tin đối ngoại trên các nền tảng mạng xã hội, kịp thời đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, ảnh hưởng đến sự phát triển của tỉnh. Gắn kết chặt chẽ công tác tư tưởng, thông tin đối ngoại với đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân.

4.8. Bảo đảm về đội ngũ cán bộ; thể chế, cơ chế, chính sách; dữ liệu, công nghệ, hạ tầng; công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá (đột phá).

Cấp ủy các cấp quan tâm củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng; bố trí đủ cán bộ chuyên trách công tác tư tưởng ở các xã, phường theo quy định; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng bảo đảm khung năng lực và tiêu chuẩn chức danh, thực sự là lực lượng nòng cốt trên mặt trận tư tưởng, văn hóa và là cầu nối tin cậy giữa Đảng với Nhân dân.

Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện, chế độ, chính sách phục vụ công tác chính trị, tư tưởng; nghiên cứu phân cấp ngân sách theo hướng ổn định, có trọng tâm, gắn với sản phẩm và kết quả đầu ra; ưu tiên nguồn lực cho địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhà báo, người làm công nghệ tham gia công tác tư tưởng; bảo vệ cán bộ dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, lực lượng trực tiếp tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở theo hướng ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin, truyền thanh thông minh, kết nối với nền tảng quản lý thông tin tập trung của tỉnh. Bổ sung, nâng cấp các thiết bị truyền thanh, bảng tin điện tử, màn hình thông tin công cộng phục vụ công tác tuyên truyền.

Đưa nội dung thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm; giám sát kỷ luật phát ngôn của cán bộ, đảng viên trong sinh hoạt, công tác và trên không gian mạng; kịp thời xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên vi phạm hoặc để tồn đọng kéo dài do thiếu trách nhiệm.

Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng thống nhất hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá hiệu quả công tác tư tưởng theo hướng khoa học, khách quan, thực chất; định

kỳ đo lường bằng điều tra xã hội học, đánh giá độc lập mức độ tiếp cận, hiểu và ghi nhớ của người dân đối với thông tin chính thống.

Xây dựng cơ chế tiếp nhận phản hồi từ Nhân dân và giám sát xã hội; sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ để bố trí nguồn lực và xem xét trách nhiệm người đứng đầu.

VI- Kế hoạch số 134-KH/TU, ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới

1. Mục tiêu tổng quát

Tái cấu trúc, quản lý và khai thác hiệu quả không gian phát triển của tỉnh đồng bộ với không gian phát triển của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và của quốc gia trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, bản sắc văn hóa của từng vùng, từng địa phương của tỉnh; hình thành các trục động lực, vùng kinh tế và trụ cột phát triển mới; bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng và an ninh nguồn nước; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Tổ chức và khai thác hiệu quả không gian phát triển của tỉnh theo hướng xanh, nhanh, bền vững trong tổng thể không gian phát triển quốc gia và vùng Trung du và miền núi phía Bắc; có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hình thành các hành lang giao thông chiến lược, phát triển hệ thống giao thông nội tỉnh. Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về năng lượng, nông nghiệp sinh thái, kinh tế rừng, du lịch và kinh tế số, tạo động lực tăng trưởng mới; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; hình thành các cực tăng trưởng theo định hướng “một trục, hai vùng, ba trụ cột”, tạo nền tảng để Lai Châu phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số và đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển trung bình của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Lai Châu trở thành tỉnh có không gian phát triển xanh, sinh thái, bản sắc và bền vững, vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dữ liệu và kinh tế tuần hoàn; có kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, xanh, an toàn, có khả năng chống chịu cao, kết nối thông suốt; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực của tăng trưởng và phát triển; tạo liên kết chặt

chẽ giữa tỉnh Lai Châu với các tỉnh trong vùng; xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển; quản trị xã hội trên nền tảng xã hội số hoàn chỉnh; môi trường sinh thái bền vững; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao, góp phần xây dựng Lai Châu trở thành tỉnh có trình độ phát triển trung bình của cả nước.

4. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

4.1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 27-NQ/TW, các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương và Kế hoạch triển khai thực hiện của tỉnh về phát triển vùng; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của phát triển vùng, đổi mới mô hình phát triển, tổ chức không gian phát triển và phát huy các tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu xây dựng Lai Châu phát triển nhanh, xanh, bền vững.

Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn phát triển ngành, lĩnh vực với tổ chức không gian phát triển của tỉnh, phát huy lợi thế của từng khu vực, thúc đẩy liên kết nội tỉnh, liên vùng, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển vùng.

4.2. Tổ chức không gian phát triển của tỉnh gắn với không gian phát triển vùng và thực hiện hiệu quả quy hoạch

Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo mô hình “Một trục - Hai vùng - Ba trụ cột”, theo hướng đa tầng, đa cực và các không gian phát triển mới; chuyển từ việc tổ chức lại không gian phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo chức năng, tiềm năng, lợi thế, điều kiện tài nguyên, môi trường và liên kết vùng, liên kết ngành, liên kết tiểu vùng và liên kết các tỉnh trong vùng.

Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đồng bộ với quy hoạch vùng, Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành gắn với đổi mới mô hình phát triển đất nước, bảo đảm tầm nhìn dài hạn, liên ngành, liên vùng và khả năng thích ứng với những thay đổi về công nghệ, thị trường, dân số, khí hậu.

Hình thành và phát triển các vùng kinh tế, kết nối hiệu quả các vùng động lực, cực tăng trưởng nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và không gian phát triển mới sau sắp xếp đơn vị hành chính như: Vùng kinh tế 1¹¹ tập trung phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm, văn hóa cộng đồng; sản xuất điện, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông sản, chế biến đất hiếm; phát triển đô thị, kinh tế biên mậu. Vùng kinh tế 2¹² bảo vệ phát triển rừng, trồng quế, mắc ca, cao su, cây gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng (ưu tiên phát triển sâm Lai Châu), dịch vụ môi trường rừng, các sản phẩm đặc hữu và sản xuất điện.

Lựa chọn một số xã, phường có điều kiện thuận lợi để hình thành, phát triển các vùng động lực tăng trưởng gắn với liên kết vùng làm hạt nhân và dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, nội dung của Quy hoạch tỉnh; quan tâm đầu tư cho các cực tăng trưởng để làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4.3. Xây dựng, hoàn thiện các chính sách phát triển

Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển vùng Trung du và miền núi phía Bắc bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới như: kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, khu, cụm công nghiệp, các vùng kinh tế, trục động lực,... Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo phù hợp với các chủ trương về phân cấp, phân quyền của tỉnh.

Bám sát định hướng Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, chủ động nghiên cứu, đề xuất, tham gia hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên kết vùng; phát huy vai trò của tỉnh trong xây dựng, vận hành cơ chế điều phối vùng theo hướng thực chất, hiệu quả; lấy quy hoạch làm cơ sở pháp lý và công cụ chỉ đạo cho mọi hoạt động liên kết, nhất là trong đầu tư, phát triển hạ tầng, dữ liệu, phân bổ nguồn lực, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện; khắc phục tình trạng liên kết hình thức, cục bộ, bảo đảm hài hòa lợi ích của tỉnh với các địa phương trong vùng và quốc gia.

Thực hiện hiệu quả các thỏa thuận hợp tác, huy động nguồn lực phát triển, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm

¹¹ Gồm các xã: Mường Kim, Khoen On, Than Uyên, Mường Than, Pắc Ta, Nậm Sỏ, Tân Uyên, Mường Khoa, Bản Bo, Bình Lư, Tả Lèng, Khun Há, Sín Suối Hồ, Phong Thổ, Đào San, Sỉ Lò Lầu, Không Lào và 2 phường Tân Phong, Đoàn Kết.

¹² Gồm các xã: Tủa Sín Chải, Sín Hồ, Hồng Thu, Nậm Tăm, Pu Sam Cáp, Nậm Cuối, Nậm Mạ, Nậm Hàng, Mường Mô, Hua Bum, Pa Tần, Bum Nưa, Bum Tở, Mường Tè, Thu Lùm, Pa Ủ, Tả Tổng, Mù Cả.

các hoạt động liên kết vùng và hợp tác quốc tế đi vào thực chất, hiệu quả.

4.4. Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới của tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành kinh tế của tỉnh theo hướng phát triển kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành có lợi thế, có khả năng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị vùng. Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như công nghiệp năng lượng, nông nghiệp đa giá trị gắn với phát triển vùng nguyên liệu chè, mắc ca, sâm Lai Châu, dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung; phát triển kinh tế rừng đa giá trị, tham gia thị trường tín chỉ carbon, các loại hình du lịch mà tỉnh có thế mạnh như: sinh thái, cộng đồng, mạo hiểm,... gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh. Thúc đẩy liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, chuỗi giá trị quốc gia và quốc tế.

Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới gắn với khai thác hiệu quả lợi thế tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc; tập trung hoàn thiện hạ tầng khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng, phát triển dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu, logistics, kho bãi, vận tải hàng hóa; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thúc đẩy giao thương với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), góp phần đưa kinh tế cửa khẩu trở thành động lực tăng trưởng mới của tỉnh.

Khuyến khích, thu hút phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, có khả năng tự chủ sản xuất và tham gia sâu vào chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp công nghệ số; tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ tài chính, logistics, thương mại điện tử.

4.5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, liên vùng

Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên hạ tầng giao thông liên vùng, hạ tầng cửa khẩu, logistics, khu, cụm công nghiệp, đô thị, hạ tầng số và các công trình thiết yếu; phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, huy động mạnh mẽ nguồn lực ngoài nhà nước, tạo nền tảng mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Tập trung triển khai đầu tư cao tốc Bảo Hà - Lai Châu (CT.13); hoàn thành

đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với Lai Châu, hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên; đầu tư cải tạo, nâng cấp một số đoạn tuyến quốc lộ chính (*quốc lộ 4H; quốc lộ 4D và quốc lộ 12 kết nối ra cửa khẩu Ma Lù Thàng*); đàm phán xây dựng cầu đường bộ đa công năng qua biên giới cửa khẩu Ma Lù Thàng kết nối với Trung Quốc. Nghiên cứu đầu tư phát triển cảng hàng không Lai Châu.

Phát triển giao thông nội vùng, liên vùng có sức lan tỏa lớn. Đầu tư một số tuyến đường tỉnh, kết nối liên vùng quan trọng (*ĐT.132; ĐT.128; ĐT.130; ĐT.135,...*); mở mới, nâng cấp, cải tạo một số tuyến đường tuần tra biên giới, đường ra mốc giới; nghiên cứu, định hướng tầm nhìn đến năm 2050 đầu tư một số tuyến cao tốc đường bộ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Cao tốc Lai Châu - Sơn La, Lào Cai - Sa Pa - Lai Châu, Điện Biên - Lai Châu,... và đường sắt Lào Cai - Lai Châu. Phát triển hạ tầng giao thông nông thôn, ưu tiên đường xã, liên xã; đường tại các khu, điểm tái định cư thủy điện, đường đến thôn bản, phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp. Thu hút đầu tư hệ thống bến xe, bãi đỗ, điểm dừng nghỉ, trung tâm đào tạo lái xe và bến thủy nội địa.

Đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống lưới điện truyền tải và phân phối; khai thác hiệu quả năng lượng tái tạo, từng bước xây dựng Lai Châu trở thành khu vực sản xuất, cung ứng điện từ năng lượng tái tạo quan trọng của vùng; bảo đảm cung cấp điện an toàn, liên tục, ổn định cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và góp phần cung ứng điện cho hệ thống điện quốc gia. Quan tâm đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn phục vụ sản xuất và sinh hoạt góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; nâng cao năng lực công trình trước những yêu cầu, thách thức của biến đổi khí hậu; áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến; ưu tiên các vùng khó khăn, khan hiếm nguồn nước, vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

Rà soát, đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống hạ tầng y tế, giáo dục từ tỉnh đến cơ sở theo hướng đạt tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu sử dụng; thu hút đầu tư ngoài công lập. Hoàn thành hệ thống các trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới trong năm 2027. Đầu tư thiết chế văn hóa cấp tỉnh (*Bảo tàng, Trung tâm văn hóa*) đạt chuẩn; nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, bản.

Đầu tư nâng cấp hạ tầng, thiết bị khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng số, nâng cao dung lượng kết nối, chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng vùng trắng, vùng lõm làm nền tảng phát triển kinh tế số và xã hội số. Cơ bản hoàn thành phủ sóng 5G tại các điểm dân cư trên địa bàn tỉnh; từng bước nghiên cứu, triển khai công nghệ 6G theo lộ trình và định hướng của Trung ương.

4.6. Phát triển hệ thống đô thị và các cực tăng trưởng

Hoàn thiện quy hoạch hệ thống đô thị, phát triển đô thị thành động lực tăng trưởng quan trọng có vai trò dẫn dắt, lan tỏa, bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới.

Tổ chức phát triển không gian đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh, khai thác hiệu quả quỹ đất và hạ tầng hiện có; nghiên cứu phát triển hệ thống đô thị tỉnh Lai Châu theo hướng "Mạng lưới Đô thị Sinh thái - Đa trung tâm - Tích hợp Nông thôn" với cấu trúc không gian là chuỗi đô thị và các điểm dân cư tập trung trên cơ sở liên kết bởi các trục giao thông huyết mạch (QL4D, QL32, QL12), đồng thời định hướng phát triển theo hướng vùng lõi đô thị được áp dụng tiêu chuẩn quản lý kiến trúc, hạ tầng đô thị, vùng vành đai áp dụng tiêu chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường liên kết giữa đô thị với khu vực nông thôn, vùng sản xuất, vùng du lịch, khu vực biên giới; phát triển các hành lang kinh tế, các trục giao thông gắn với hình thành không gian phát triển mới, bảo đảm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa bàn.

Phát triển các trung tâm động lực trên cơ sở khai thác lợi thế của từng khu vực: Đô thị liên phường Tân Phong – Đoàn Kết là trung tâm hành chính, chính trị, dịch vụ, thương mại của tỉnh; các khu vực cửa khẩu, biên giới phát huy vai trò trung tâm giao thương, kinh tế đối ngoại; các địa bàn có lợi thế về du lịch, nông nghiệp đặc sản, kinh tế rừng trở thành các điểm kết nối trong mạng lưới phát triển của tỉnh và vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng số, các dịch vụ đô thị thiết yếu theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đầu tư hạ tầng Khu cửa khẩu Ma Lù Thàng đáp ứng yêu cầu cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu số, thông minh. Gắn phát triển đô thị với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, xây dựng cảnh quan đô thị đặc trưng vùng cao, tạo lập không gian sống văn minh, an toàn, giàu bản sắc.

4.7. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tham gia vào các chuỗi giá trị của vùng, chú trọng phát triển kỹ năng công nghệ thông tin đối với lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh. Triển khai hiệu quả Đề án “Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” và Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ” từ năm 2026. Tổ chức thực hiện Kế hoạch dạy và học tiếng Trung Quốc tại 11 trường phổ thông nội trú thuộc các xã biên giới đến năm 2030, nhằm phát triển năng lực ngoại ngữ cho học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu,

hợp tác khu vực biên giới, mở rộng cơ hội học tập, việc làm và phát triển trong tương lai. Khuyến khích hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo giữa cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình hành động số 63-CTr/TU, ngày 27/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tập trung rà soát, xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

Ưu tiên phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, trung tâm dữ liệu; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ số trong hoạt động của hệ thống chính trị và các ngành kinh tế - xã hội; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới; đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, xây dựng môi trường số an toàn, hiện đại.

4.8. Phát triển văn hóa, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện

Triển khai hiệu quả các chủ trương, nghị quyết về phát triển văn hóa; phát triển các không gian văn hóa theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu sáng tạo; xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, thu hẹp khoảng cách thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng con người Lai Châu toàn diện, môi trường văn hóa lành mạnh, giàu bản sắc; đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng.

Xây dựng hệ thống y tế hiện đại, công bằng, chất lượng; đẩy mạnh chuyển đổi số; củng cố y tế cơ sở, nâng cao năng lực y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và kiểm soát dịch bệnh. Phát triển y tế ngoài công lập phù hợp; thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế, hướng tới bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách an sinh xã hội; chăm lo người có công, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân vùng khó khăn. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ giáo dục, y tế, nhà ở, việc làm và các dịch vụ xã hội cơ bản; bảo vệ, chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

4.9. Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả

tài nguyên và năng lượng; giảm phát thải, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Phát huy lợi thế về rừng, đa dạng sinh học, thủy điện, năng lượng tái tạo và nông nghiệp sinh thái; phát triển kinh tế rừng đa giá trị, dịch vụ môi trường rừng, tín chỉ carbon rừng, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

Đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường liên kết, kết nối, chia sẻ hệ thống quan trắc, giám sát môi trường hướng đến kiểm soát cơ bản tình trạng sụt lún, sạt lở, hạn hán..., bảo đảm an ninh nguồn nước.

Tăng cường liên kết vùng trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, quản lý xả thải, bảo vệ lưu vực sông, suối và cảnh báo sớm thiên tai. Quản lý, khai thác, chế biến khoáng sản chiến lược, nhất là đất hiếm, theo quy hoạch, quy định pháp luật; thúc đẩy chế biến sâu, sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường.

4.10. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững chắc; bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong quy hoạch, đầu tư hạ tầng, nhất là tại khu vực biên giới, cửa khẩu, hành lang giao thông, khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, năng lượng và đô thị.

Nâng cao hiệu quả phối hợp quản lý địa bàn, phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm xuyên quốc gia, ma túy, buôn lậu, gian lận thương mại, xuất nhập cảnh trái phép và tội phạm công nghệ cao.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các tỉnh Bắc Lào và các đối tác quốc tế; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và đối ngoại nhân dân; ưu tiên hợp tác về thương mại biên giới, kinh tế cửa khẩu, đầu tư, hạ tầng, du lịch, giáo dục, y tế, môi trường, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực. Chủ động kết nối, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển; phát huy hiệu quả các chương trình, thỏa thuận hợp tác quốc tế đã ký kết, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

4.11. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện. Tập trung xây dựng tổ chức, bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo phương châm địa phương quyết, địa phương làm và địa phương chịu trách nhiệm; bảo đảm bộ máy hành chính các cấp gần dân, sát dân hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, lấy phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp là căn cứ quan trọng để đánh giá cán bộ; khắt khe hoàn thiện vị trí việc làm, bố trí, sắp xếp cán bộ đúng người, đúng việc theo năng lực, sở trường, kinh nghiệm công tác. Xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, có năng lực số, kỹ năng quản trị hiện đại. Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; chú trọng tiêu chuẩn hóa, trẻ hóa, chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ.

Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển của Trung ương và của tỉnh; chú trọng kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên kết vùng, hợp tác với các địa phương trong khu vực; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thúc đẩy việc chia sẻ dữ liệu giữa tỉnh với các bộ, ngành, địa phương để nâng cao chất lượng công tác quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả công tác của các tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

VII- Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới

1. Mục tiêu

- Khởi dậy mạnh mẽ tinh thần tiên phong, gương mẫu, dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức, năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; đổi mới, nâng cao chất lượng quản trị địa phương theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, quy trình theo hướng đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, quản trị rủi ro và trách nhiệm giải trình; tạo môi trường, điều kiện và cơ chế phù hợp để phát hiện, khuyến khích, tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dân thân, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

- Tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện nhiệm vụ, khắc phục tình trạng e ngại, sợ sai, sợ trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng; tạo chuyển biến rõ nét về kỷ luật, kỷ cương, chất lượng và hiệu quả thực thi nhiệm vụ; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết đoán, dám chịu trách nhiệm; lấy sản phẩm, kết quả, hiệu quả thực tế, khả năng giải quyết việc khó, tháo gỡ điểm nghẽn và mức độ hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp làm căn cứ quan trọng để đánh giá cán bộ, tổ chức, cơ quan, đơn vị.

- Trên cơ sở văn bản của Trung ương triển khai thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực, quản trị rủi ro, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và bảo vệ cán bộ đúng người, đúng việc, đúng bản chất.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, nhất là trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị; xác định phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung là nhiệm vụ thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị. Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 24-NQ/TW theo Kế hoạch số 125-KH/TU, ngày 31/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải thực sự nêu gương, khích lệ và bảo vệ tinh thần đổi mới, sáng tạo; tiên phong đảm nhận và

quyết định những nhiệm vụ mới, khó, phức tạp, có tính đột phá thuộc thẩm quyền; sâu sát cơ sở, tăng cường kiểm tra, giám sát, đối thoại, kịp thời nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo phải xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cởi mở, khuyến khích cán bộ đề xuất sáng kiến, giải pháp mới; tôn trọng ý kiến phản biện, khuyến khích tranh luận thẳng thắn, xây dựng; kịp thời phát hiện, nhân rộng mô hình hay, cách làm hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện để cán bộ phát huy năng lực, sở trường và tinh thần trách nhiệm; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân trong thực hiện cơ chế khuyến khích, tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ. Không để tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, sợ bị kiểm tra, sợ bị quy kết làm hạn chế sự chủ động, sáng tạo của cán bộ; đồng thời không để chủ trương khuyến khích đổi mới bị lợi dụng để áp đặt ý chí chủ quan, né tránh trách nhiệm hoặc che giấu khuyết điểm, sai phạm.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chuyển từ tư duy quản lý hành chính, phục tùng “máy móc” sang tư duy kiến tạo, hành động, chủ động giải quyết công việc, lấy sản phẩm, kết quả và hiệu quả thực tế làm thước đo chủ yếu.

Kiên quyết khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ, ỷ lại, tâm lý e ngại, sợ sai, sợ chịu trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng gây ách tắc, cản trở phát triển. Xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, kéo dài thời gian hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm xem xét, quyết định các đề xuất đổi mới, sáng tạo thuộc thẩm quyền mà không có lý do chính đáng.

2.2. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách và cơ chế đặc thù trọng dụng, bảo vệ cán bộ

Tiếp tục rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định, quy chế, quy trình thuộc thẩm quyền; chủ động kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, không phù hợp thực tiễn, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh điểm nghẽn, vướng mắc như đầu tư công, đất đai, tài chính, tài sản công, đấu thầu, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số và các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động của người dân, doanh nghiệp.

Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế phát hiện, khuyến khích, tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ

cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Phân loại các đề xuất, nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo theo tính chất, quy mô, phạm vi tác động, mức độ rủi ro và thẩm quyền quyết định để áp dụng cơ chế quản lý, kiểm soát phù hợp; gắn khuyến khích đổi mới với phân cấp, phân quyền, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Đối với các nhiệm vụ, giải pháp đột phá về thực thi, khi đã có cơ sở pháp lý nhưng còn vướng mắc trong thực tiễn hoặc do sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ, cần mở rộng không gian tự chủ, giao quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm cho người đứng đầu; thực hiện quản trị rủi ro tương ứng với quy mô, mức độ tác động; nghiên cứu áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro thử nghiệm và loại trừ hoàn toàn trách nhiệm pháp lý khi xảy ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

Đối với đột phá về cơ chế, quy định, chính sách, bao gồm các nhiệm vụ, giải pháp, đổi mới, sáng tạo mà pháp luật chưa có quy định hoặc khác với pháp luật hiện hành, yêu cầu xác định rõ nội dung chính sách mới, phạm vi, đối tượng, thời hạn, nguồn lực, giới hạn rủi ro và cơ quan chịu trách nhiệm giám sát. Ưu tiên xây dựng “không gian thử nghiệm có kiểm soát” tại những lĩnh vực, địa bàn đủ điều kiện, năng lực quản trị phù hợp.

Căn cứ quy định của Trung ương, cụ thể hoá quy định chặt chẽ tiêu chí, điều kiện miễn, giảm trừ trách nhiệm; phân định rõ ranh giới giữa đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung với hành vi lợi dụng, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm hoặc vụ lợi. Không lợi dụng khuyến khích đổi mới, sáng tạo, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung để bao che hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; vi phạm nguyên tắc của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế tài chính đặc thù từ nguồn ngân sách nhà nước, các quỹ hợp pháp hoặc nguồn xã hội hoá sau khi có quy định của Trung ương, để hỗ trợ các hoạt động thử nghiệm, thí điểm và bù đắp một phần thiệt hại khách quan phát sinh từ nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo đã được phê duyệt.

2.3. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với quản trị rủi ro công vụ từ sớm, từ xa trong triển khai các đề xuất đổi mới, sáng tạo

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các quy định về phân cấp, phân quyền, ủy quyền, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quyết định và tổ chức thực hiện các giải pháp đột phá, cấp bách. Việc phân cấp, ủy quyền phải bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn và rõ kết quả; gắn với kiểm

soát quyền lực, quản trị rủi ro và trách nhiệm giải trình, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh hoặc chồng chéo trách nhiệm.

Tiếp tục tập trung rà soát kỹ lưỡng các dự án còn tồn đọng, kéo dài, chỉ rõ nguyên nhân, phân loại và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo để xử lý dứt điểm những điểm nghẽn, dự án trì trệ, công việc tồn đọng kéo dài, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, tài chính, đầu tư công, tài nguyên, môi trường, hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của địa phương, phải chủ động quyết định, tổ chức thực hiện, không chờ đợi, né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm; đối với vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền. Triển khai thực hiện mô hình thí điểm khác với quy định hiện hành hoặc chưa có quy định, phải báo cáo cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, quyết định; những vấn đề lớn, liên ngành, liên vùng, phức tạp, vượt thẩm quyền, phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền ở Trung ương.

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 05/3/2026 của Tỉnh uỷ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất về sáng kiến, đề xuất đổi mới bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; theo dõi, đánh giá, kiểm soát rủi ro và kịp thời nhân rộng các mô hình hiệu quả. Tổ chức, cơ quan, đơn vị bảo đảm nguồn lực thực hiện, bố trí kịp thời trang thiết bị, phương tiện làm việc, nhân sự và kinh phí cần thiết để cán bộ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, sáng tạo đã được phê duyệt.

Căn cứ quy định của Trung ương, kịp thời cụ thể hoá, triển khai thực hiện cơ chế kiểm soát rủi ro công vụ từ sớm, từ xa; cơ chế tư vấn, giám sát liên ngành để hỗ trợ, thẩm định, theo dõi và đánh giá khách quan quá trình thực hiện; cơ chế tham vấn, phản ứng nhanh, hỗ trợ cán bộ xử lý rủi ro từ sớm, từ xa, quyết định kịp thời đối với các tình huống cấp bách, vấn đề phức tạp về kinh tế - xã hội hoặc thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm không bỏ lỡ thời cơ, không gây ách tắc công việc chung.

2.4. Thực hiện cơ chế bảo vệ bao trùm, xuyên suốt; minh bạch quy trình miễn, giảm trách nhiệm gắn với đổi mới công tác kiểm tra, giám sát

Thực hiện nghiêm cơ chế bảo vệ toàn diện đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các khâu tham mưu, thẩm định, quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung. Việc xem xét trách nhiệm

của các tập thể, cá nhân phải căn cứ vào động cơ, mục đích, mức độ lỗi, quá trình ra quyết định, việc tuân thủ chủ trương, phương án đã được phê duyệt, khả năng dự báo, kiểm soát rủi ro, hậu quả và việc chủ động ngăn chặn, khắc phục. Kết quả, lợi ích đạt được là căn cứ quan trọng để đánh giá, nhưng không phải là căn cứ duy nhất để xem xét miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm.

Không xử lý hoặc loại trừ trách nhiệm đối với những trường hợp thiệt hại phát sinh hoàn toàn do nguyên nhân khách quan, không thể dự báo, khi cán bộ đã áp dụng đầy đủ các biện pháp cần thiết. Kịp thời xem xét việc miễn hoặc giảm trách nhiệm đối với trường hợp phát sinh sai sót không cố ý, không vụ lợi, thực hiện đúng chủ trương, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã chủ động báo cáo, phòng ngừa, khắc phục tối đa hậu quả. Không áp dụng cơ chế bảo vệ, xử lý nghiêm đối với các trường hợp cố ý làm trái, vụ lợi, che giấu thông tin, bỏ qua cảnh báo hoặc tự ý vượt phạm vi được phê duyệt.

Cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh, tạm dừng hoặc thay đổi phương án khi xuất hiện nguy cơ gây thiệt hại lớn hoặc không bảo đảm mục tiêu; đồng thời, có biện pháp bảo vệ uy tín, danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ, bảo đảm cơ chế bảo vệ được thực hiện đầy đủ, thực chất.

Triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 09/3/2026 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng đến năm 2030. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, hoàn thiện phương pháp, nội dung và cách thức tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, chuyển trọng tâm từ phát hiện, xử lý sang phòng ngừa, cảnh báo sớm vi phạm; từ “bị động” sang “chủ động” nắm chắc tình hình, không để “khoảng trống”, “vùng tối” trong công tác kiểm tra, giám sát. Gắn công tác kiểm tra, giám sát với kiểm soát quyền lực nhằm ngăn ngừa vi phạm từ sớm, từ xa; triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp từ tỉnh đến cơ sở, chi bộ, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên. Kết hợp chặt chẽ công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát với hướng dẫn, hỗ trợ quá trình thực hiện kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Tăng cường phối hợp giữa công tác kiểm tra của Đảng với thanh tra nhà nước và các cơ quan có liên quan, bảo đảm thống nhất trong đánh giá, tránh chồng chéo, kéo dài, ảnh hưởng không cần thiết đến hoạt động của cơ quan, đơn vị và cán bộ. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng chủ trương đổi mới, sáng tạo để tham nhũng, tiêu cực, vụ lợi, lợi ích nhóm, hợp thức hoá sai phạm, cố ý làm trái quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tự ý vượt thẩm quyền, bỏ qua cảnh báo, không thực hiện đầy đủ trách nhiệm. Đồng

thời, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm trong việc xem xét, bảo vệ cán bộ, cản trở hoặc làm giảm động lực đổi mới, sáng tạo, cống hiến của cán bộ trong hệ thống chính trị.

2.5. Đột phá mạnh mẽ trong công tác cán bộ, lấy hiệu quả đổi mới, sáng tạo làm thước đo cốt lõi, tạo động lực, tôn vinh và trọng dụng cán bộ

Tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ các khâu của công tác cán bộ theo hướng thực chất, khách quan, công khai, minh bạch; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, năng lực thực tiễn, năng lực tổ chức thực hiện và tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung làm tiêu chuẩn xuyên suốt. Thực hiện nghiêm quy định thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ. Lấy sản phẩm, hiệu quả công việc, khả năng tháo gỡ điểm nghẽn, giải quyết việc khó, việc mới, việc tồn đọng kéo dài và mức độ hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp làm thước đo chủ yếu; đưa năng lực đổi mới, sáng tạo, quản trị rủi ro vào tiêu chí quan trọng trong phát hiện, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ. Rà soát, sửa đổi quy định về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị theo hướng đánh giá đa chiều, gắn với khung năng lực theo vị trí việc làm; tập trung bốn nhóm chỉ số về kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng phục vụ của người dân và doanh nghiệp, năng lực phối hợp liên ngành và kỷ luật, kỷ cương, liêm chính công vụ.

Bám sát quy định của Trung ương, thực hiện nghiêm cơ chế chọn người theo việc, giao việc để thử thách, lấy kết quả để đánh giá, sàng lọc cán bộ. Hằng năm, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị rà soát, xác định nhiệm vụ trọng tâm, việc khó, việc mới, điểm nghẽn và vấn đề tồn đọng để giao cán bộ có năng lực, bản lĩnh đảm nhận; tạo điều kiện về thẩm quyền, nhân lực, thời gian và nguồn lực để cán bộ chủ động tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả. Kịp thời phát hiện, trọng dụng cán bộ có năng lực, có sản phẩm, hiệu quả thực chất; kiên quyết sàng lọc, thay thế cán bộ né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, thiếu trách nhiệm hoặc có biểu hiện vụ lợi, vì lợi ích cá nhân không chính đáng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030.

Tiếp tục cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị bảo đảm đồng bộ với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp. Quan tâm đào tạo, bồi

dưỡng, cập nhật, bổ sung những kiến thức mới về tư duy chiến lược, khả năng dự báo, nhận diện cơ hội, thách thức, kiến thức về khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kỹ năng quản trị, năng lực tổ chức thực hiện, xử lý tình huống, giải quyết công việc trực tiếp với người dân, doanh nghiệp. Chú trọng đào tạo thông qua thực tiễn, giao nhiệm vụ khó, nhiệm vụ mới để rèn luyện bản lĩnh, năng lực quyết đoán và khả năng chịu trách nhiệm của cán bộ.

Nghiên cứu có chính sách khen thưởng, tôn vinh, trọng dụng đặc cách cán bộ có năng lực, có sản phẩm, hiệu quả thực chất, có sáng kiến, giải pháp đổi mới mang lại hiệu quả rõ rệt, tạo sức lan tỏa, có khả năng nhân rộng; việc khen thưởng, quy hoạch, bố trí, sử dụng phải căn cứ chủ yếu vào giá trị và hiệu quả thực tế, mức độ tiết kiệm nguồn lực, tác động lâu dài, kiên quyết không chạy theo số lượng sáng kiến hoặc thành tích hình thức, không đồng nhất một thành tích đổi mới đơn lẻ với việc đương nhiên được đề bạt, bổ nhiệm vượt cấp.

Trong quá trình cán bộ triển khai đề xuất đổi mới, sáng tạo hoặc đang trong giai đoạn chờ cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, kết luận về các rủi ro, thiệt hại phát sinh, các cấp ủy đảng vẫn thực hiện việc quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm lại hoặc xem xét nâng lương định kỳ đối với cán bộ theo quy định, tuyệt đối không làm gián đoạn quá trình phát triển của cán bộ; trừ trường hợp phát hiện có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực, trục lợi cá nhân.